BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Số: 195 /TB-ĐHKT-SĐH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO SỐ 3
Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2024 (bổ sung và điều chỉnh) tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ (Quy chế 23);

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-ĐHKT-SĐH ngày 18/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội về việc Ban hành quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông báo số 170/TB-ĐHKT-SĐH ngày 04/9/2024 (Thông báo số 2) tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2024 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ văn bản số 6742/BGDĐT-GDĐH ngày 21/10/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc phê duyệt điều chỉnh và bổ sung chỉ tiêu tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2024 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội thông báo Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ (bổ sung 02 ngành mới mở và điều chỉnh chỉ tiêu) năm 2024 như sau:

1. Các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ:

Các ngành Kiến trúc, Quy hoạch vùng và đô thị, Quản lý đô thị và công trình, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng đã có thông tin tại thông báo tuyển sinh đợt 2 năm 2024, số 170/TB-ĐHKT-SĐH ngày 04/9/2024 và tại thông báo này chỉ thông tin về điều chỉnh chỉ tiêu của các ngành nêu trên (xem mục 3).

Bổ sung tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ 02 ngành, gồm:

TT	Ngành	Mã số	Hình thức - Thời gian đào tạo
1	Thiết kế nội thất	8580408	Chính quy – một năm rưỡi
2	Thiết kế đồ hoạ	8210403	Chính quy – một năm rưỡi

2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển:

Đối tượng dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được các điều kiện sau:

2.1. Về văn bằng và chứng chỉ ngoại ngữ như yêu cầu tại Mục 5, Mục 6.

2.2. Về thâm niên công tác:

- Ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp.

- Ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học đạt loại trung bình khá trở lên được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp; đạt loại trung bình phải sau một năm công tác (kể từ ngày cấp bằng) mới được dự tuyển.

2.3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

2.4. Có đủ sức khoẻ để học tập.

2.5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định tại Mục 8, Mục 11.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh: Tổng 150 chỉ tiêu các ngành, gồm:

TT	Ngành	Chỉ tiêu	TT	Ngành	Chỉ tiêu
1	Kiến trúc	11	5	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	10
2	Quy hoạch vùng và đô thị	05	6	Thiết kế nội thất	30
3	Quản lý đô thị và công trình	38	7	Thiết kế đồ hoạ	30
4	Kỹ thuật xây dựng	06			

4. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

5. Yêu cầu về văn bằng đối với người dự tuyển:

5.1. Ứng viên đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành/chuyên ngành phù hợp.

5.2. Có bằng tốt nghiệp đại học đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành dự tuyển, không phải học bổ sung kiến thức:

TT	Ngành đào tạo trình độ thạc sĩ	Mã số	Bằng và ngành/chuyên ngành đại học
1	Thiết kế nội thất	8580408	- Cử nhân Thiết kế nội thất - Cử nhân Mỹ thuật công nghiệp (chuyên ngành Thiết kế nội thất) - Cử nhân Mỹ thuật ứng dụng (chuyên ngành Thiết kế nội thất) - Cử nhân Thiết kế công nghiệp (chuyên ngành Thiết kế nội thất) - Cử nhân Thiết kế nội thất bền vững - Kiến trúc sư Kiến trúc nội thất
2	Thiết kế đồ hoạ	8210403	- Cử nhân Thiết kế đồ họa - Cử nhân Mỹ thuật công nghiệp (ngành Thiết kế đồ họa) - Cử nhân Đồ họa (ngành Mỹ thuật công nghiệp)

Các trường hợp khác có bằng đại học tương đương sẽ được kiểm tra hồ sơ khi đăng ký dự tuyển.

5.3. Học bổ sung kiến thức: Ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học ngành/chuyên ngành gần hoặc khác ngành đối với ngành dự tuyển phải học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển:

5.3.1. Ngành dự tuyển: Thiết kế nội thất - Mã số: 8580408

a) Nhóm 1:

Bằng và ngành/chuyên ngành đào tạo đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
* Kiến trúc sư Kiến trúc * Kiến trúc sư Quy hoạch đô thị * Kiến trúc sư Quy hoạch vùng và đô thị * Kiến trúc sư Kiến trúc cảnh quan ...	1 - Vật liệu và chất liệu nội thất 2 - Cấu tạo nội thất	2 2

b) Nhóm 2:

Bằng và ngành/chuyên ngành đào tạo đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
* Cử nhân Thiết kế đồ hoạ * Cử nhân Thiết kế thời trang * Cử nhân Điêu khắc * Cử nhân Thời trang và sáng tạo * Cử nhân Đồ hoạ công nghệ số * Cử nhân Mỹ thuật ứng dụng chuyên ngành Thiết kế đồ họa/ Thời trang ...	1 - Vật liệu và chất liệu nội thất 2 - Cấu tạo nội thất 3 - Lịch sử nội thất 4 - Lý thuyết thiết kế nội thất	2 2 2 2

5.3.2. Ngành dự tuyển: Thiết kế đồ hoạ - Mã số: 8210403

Phải có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng:

a) Nhóm 1:

Bằng và ngành/chuyên ngành đào tạo đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
* Cử nhân ngành Thiết kế công nghiệp * Cử nhân ngành Mỹ thuật ứng dụng * Cử nhân ngành Thiết kế thời trang * Cử nhân ngành Thiết kế mỹ thuật, sân khấu điện ảnh * Cử nhân Nghệ thuật ...	1 - Thiết kế bao bì 2 - Thiết kế nhận diện thương hiệu	2 2

b) Nhóm 2:

Bằng và ngành/chuyên ngành đào tạo đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
* Cử nhân ngành Lý luận và lịch sử mỹ thuật * Cử nhân ngành Mỹ thuật * Cử nhân chuyên ngành Đồ họa (ngành Mỹ thuật) * Cử nhân ngành Sư phạm nghệ thuật * Cử nhân ngành Hội họa * Cử nhân ngành Điêu khắc * Cử nhân ngành Mỹ thuật đô thị ...	1 - Thiết kế biểu tượng 2 - Đồ họa chính trị xã hội 3 - Thiết kế bao bì 4 - Thiết kế nhận diện thương hiệu	2 2 2 2

Tất cả các trường hợp có văn bằng tốt nghiệp đại học có ngành/chuyên ngành như đã thống kê tại tiểu mục 5.3 và các trường hợp khác không thống kê ở trên sẽ được kiểm tra hồ sơ khi đăng ký dự tuyển.

5.4. Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

6. Yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đối với người dự tuyển:

6.1. Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

6.2. Ứng viên đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 6.1 nêu trên khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài (tiếng Anh) hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài (tiếng Anh);

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (tiếng Anh) đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục kèm theo thông báo này (Phụ lục của Quy chế 23) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận. Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội sẽ xác định tính xác thực của chứng chỉ ngoại ngữ trước khi công nhận tương đương theo Phụ lục kèm theo Thông báo tuyển sinh này.

7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh:

Các ứng viên dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên và khu vực ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) theo quy định trong trong Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành được hưởng mức ưu tiên quy đổi tương ứng với thang điểm 100 cho Bài luận chuyên ngành.

8. Hồ sơ dự tuyển:

8.1. Hồ sơ dự tuyển gồm:

- Đơn xin dự tuyển (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Cơ quan hoặc Chính quyền địa phương (đối với ứng viên tự do);
- Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm (có công chứng); các chứng chỉ chuyển đổi kiến thức (nếu ứng viên học liên thông từ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp thì phải có bằng và bảng điểm Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp; nếu dự tuyển theo văn bằng 2 thì phải có bằng và bảng điểm của văn bằng 1); các chứng chỉ bổ sung kiến thức chuyên ngành (nêu có);
- Giấy công nhận văn bằng nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có);
- Bản sao có công chứng bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn theo quy định.
- Giấy chứng nhận đủ sức khoẻ của bệnh viện đa khoa trong vòng 06 (sáu) tháng;
- Bản sao có công chứng giấy tờ để minh chứng về đối tượng ưu tiên (nếu có);
- Giấy xác nhận thâm niên công tác cho đối tượng khác ngành của ngành dự tuyển Quản lý đô thị và công trình, ngành Thiết kế đồ họa;
- 02 (hai) ảnh cỡ 4 x 6 (cm) chụp kiểu căn cước công dân, 03 (ba) phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ của ứng viên dự tuyển;
- 01 (một) Bài luận chuyên ngành và 05 (năm) bản sao có chữ ký, ghi rõ họ và tên của ứng viên dự tuyển;
- 03 (ba) bộ bản sao Công trình khoa học (nếu có);

8.2. Bài luận chuyên ngành và Công trình khoa học:

a) Bài luận chuyên ngành của người dự tuyển có nội dung liên quan đến ngành đăng ký dự tuyển trình độ Thạc sĩ, có khối lượng không quá 2000 từ, trong đó thể hiện được các nội dung cơ bản sau:

- Mong muốn được theo học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường theo ngành đăng ký dự tuyển;
- Có hiểu biết về ngành đăng ký dự tuyển (ngành đúng, ngành gần, ngành phù hợp; sự tham gia các công việc thực tiễn có liên quan đến ngành đăng ký dự tuyển);
- Sự cần thiết và phù hợp của nội dung bài luận với ngành đăng ký dự tuyển;
- Các tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung bài luận chuyên ngành;
- Các đề xuất (nếu có);
- Quy cách trình bày phù hợp.

b) Công trình khoa học của người dự tuyển gồm: các bài báo khoa học đã được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành ở trong và ngoài nước; các tài liệu xác nhận tham gia đề tài nghiên cứu khoa học các cấp đã được nghiệm thu đạt yêu cầu; các tài liệu xác nhận về các phát minh, sáng chế, công bố khoa học trong và ngoài nước....

Các công trình khoa học liên quan khác (nếu có) của người dự tuyển gồm: các giải thưởng khoa học cấp Quốc gia, Tỉnh, Thành phố; các giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Quốc gia, Tỉnh, Thành phố, Trường Đại học, Viện đào tạo Đại học.

9. Giá dịch vụ tuyển sinh và đào tạo:

- Giá dịch vụ tuyển sinh (dự kiến): 660.000 (sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng/hồ sơ
- Giá dịch vụ đào tạo: theo quy định hiện hành hoặc theo mức phí đảm bảo tính đủ chi phí.

10. Thời gian phát hành hồ sơ và học bổ sung kiến thức:

- Thời gian phát hành hồ sơ: Từ ngày 22/10/2024 - 01/12/2024, tại Văn phòng Khoa Đào tạo Sau đại học, Nhà F, phòng 210-211, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

- Thời gian đăng ký học bổ sung kiến thức: Từ ngày 23/10/2024 - 15/11/2024, tại Văn phòng Khoa Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

(Nộp bản sao bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm có công chứng khi đăng ký)

- Thời gian học bổ sung kiến thức: Từ ngày 28/10/2024 - 24/11/2024 tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

(Thông báo tại Văn phòng Khoa Đào tạo Sau đại học và trên Website Trường)

11. Thời gian nộp hồ sơ:

- Thời gian nộp hồ sơ: Các ngày làm việc trong tuần, từ ngày 28/10/2024 - 09/12/2024.
- Địa điểm: Văn phòng Khoa Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

12. Thời gian, địa điểm xét tuyển, công bố kết quả, nhập học, khai giảng:

- Thời gian phỏng vấn xét tuyển: dự kiến từ ngày ***12 - 14/12/2024***.
- Địa điểm xét tuyển: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội,

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

- Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Tháng 12/2024.
- Thời gian nhập học: Tháng 12/2024.
- Thời gian khai giảng: Dự kiến tháng 12/2024.

13. Liên hệ:

Để biết thêm thông tin, xin liên hệ:

- Văn phòng Khoa Đào tạo Sau đại học, nhà F, phòng 210-211, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 02438542051; 0983387587; 0977659886.
- Website: www.hau.edu.vn
- Email: khoasaudaihoc@hau.edu.vn

Nơi nhận:
- Các đối tượng có nhu cầu dự tuyển;
- Các phương tiện thông tin đại chúng;
- Website Trường;
- Lưu VT, SĐH.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Quân

Phụ lục

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

(Theo Phụ lục của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2